

PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ

NGUYỄN ĐỨC LỮ*

Trong suốt hàng ngàn năm tồn tại, dù trước sau vẫn chỉ là một tôn giáo, song Phật giáo cũng đã có một số đóng góp nhất định cho dân tộc về nhiều phương diện: tham gia vào sự hình thành văn hoá, đạo đức, lối sống truyền thống của con người; làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội và tạo nên sự phong phú đa dạng trong bản sắc văn hoá Việt Nam. Tuy nhiên, với tính cách một tôn giáo, Phật giáo cũng có những hạn chế của nó. Hơn nữa, trong bối cảnh hiện nay, Phật giáo không tránh khỏi những tác động mạnh mẽ từ xu thế toàn cầu hoá và cơ chế thị trường. Để tiếp tục phát huy những giá trị tích cực của mình, Phật giáo ngày nay phải biết tự giữ gìn, bồi đắp và đổi mới cho phù hợp với thời đại nhằm góp phần thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh” như trước đây nó đã từng đóng góp cho “quốc thái dân an”.

Từ Ấn Độ, Phật giáo được du nhập vào Việt Nam trong những thế kỷ đầu công nguyên. Trải qua hàng ngàn năm tồn tại, Phật giáo đã có những đóng góp nhất định cho dân tộc về nhiều phương diện. Ngày nay, nhân loại đang bước vào thời kỳ lịch sử mới với nhiều biến đổi trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vậy, Phật giáo đương đại ở Việt Nam có vai trò gì để góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh như nó đã từng đóng góp cho “quốc thái dân an” trong lịch sử dân tộc?

1. Những năm gần đây, hầu như mọi dân tộc đều bị lôi cuốn vào dòng xoáy của toàn cầu hoá. Có quốc gia thì hân hoan đón đợi, có nước lại khắc khoải lo

* PGS.TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

âu; người thì ủng hộ nhiệt thành, kẻ thì phản đối quyết liệt. Có ý kiến cho rằng, toàn cầu hoá là con đường của tương lai, sẽ đem đến sự phồn vinh, thịnh vượng cho mọi người, mọi dân tộc và các quốc gia - dù cho dân tộc, quốc gia ấy ở điểm xuất phát thế nào, trình độ kinh tế ra sao. Số người khác lại chỉ nhìn thấy ở toàn cầu hoá một màu xám xịt. Họ cho rằng, toàn cầu hoá là nguồn gốc của vô số những rủi ro và tai hoạ, những nguy cơ và thách thức khó vượt qua: từ sự suy thoái môi sinh đến huỷ hoại các nền văn hoá bản địa, từ xuất hiện ngày càng nhiều những bệnh tật mới ở người và động thực vật đến sự gia tăng tình trạng nghèo nàn, thất học cũng như sự xuống cấp của đạo đức và lối sống; từ sự bất an của cá thể đến nguy cơ tan vỡ kết cấu gia đình. Tóm lại, trước hiện tượng toàn cầu hoá, loài người đang có những đánh giá, thái độ và phản ứng rất khác nhau. Tuy vậy, toàn cầu hoá là một hiện tượng khách quan, một xu hướng khó cưỡng lại.

Chúng tôi cho rằng, toàn cầu hoá có tính hai mặt: tích cực và tiêu cực, chứa đựng cả vận hội lẫn thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc trên các phương diện kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, đạo đức... Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, bất kỳ dân tộc nào cũng không thể “đóng cửa”, “khép kín” để gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc, đạo đức truyền thống riêng của mình được, mà phải hội nhập với quốc tế, cho dù không ít thách thức. Hiện có nhiều học giả lưu tâm đến “sự xâm lăng văn hóa”. Những “đế quốc xâm lăng văn hóa” đang tìm cách đột nhập, đưa văn hóa ngoại lai thẩm thấu vào các quốc gia khác. Văn hóa ngoại không phải là tiêu cực cả, nhưng quả thực, một số nước đã và đang phải trả giá do không biết đón gió lành, ngăn gió độc khi “mở cửa”, “hội nhập”. Hậu quả nhãn tiền là lối sống thực dụng, sùng bái vật chất, khơi dậy những nhu cầu bản năng, lối cuốn con người vào những lạc thú tầm thường, xem nhẹ đạo lý truyền thống, nhạt phai lý tưởng, quay lưng với lịch sử dân tộc đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ và len lỏi vào từng gia đình, làng xóm, phố phường. Thông qua những phương tiện nghe nhìn hiện đại, mùi vị “hấp dẫn” của văn hóa phương Tây đang lan tỏa, thẩm thấu vào nhiều giai tầng, từng dân tộc, không chỉ ở các thành phố, đô thị, mà cả ở những chốn sơn lâm cùng cốc, xa xôi hẻo lánh - nơi đồng bào dân tộc thiểu số cư trú.

Sự lan tràn, “xâm lăng” của văn hóa ngoại lai mạnh đến mức khiến chính những nước phát triển, như Pháp, Thụy Điển... cũng phải lo ngại và họ đã phải phát động cuộc “kháng chiến” chống lại sự xâm lăng ấy.

Có thể nói, việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc đã trở thành một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Dĩ nhiên, không phải vì lo ngại trước nguy cơ băng hoại văn hóa truyền thống mà có chủ trương hoài cổ đến mức khôi phục cả những hủ tục nặng nề trước đây vốn một thời đã bị nhân dân bài bác và cuộc sống mới không chấp nhận; nhưng cũng không thể dựa vào cái lý “tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại” mà thu nạp cả những rác rưởi, cặn bã và sỏi sạn của văn hóa ngoại lai để hình thành thứ văn hóa lai căng, ketchup. Đã

đến lúc mọi người dân đất Việt cần nhận thức giá trị của sự phát triển bền vững, nghĩa là mỗi bước tăng trưởng kinh tế đều phải dựa trên nền tảng giữ gìn, phát huy giá trị đạo đức và bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc.

Vì sự trường tồn của giống nòi và hưng thịnh của quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá, việc bảo vệ những giá trị truyền thống tốt đẹp, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, trong đó có vai trò của Phật giáo, là vấn đề lớn có ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, gìn giữ và bảo vệ không có nghĩa là có thái độ bảo thủ hoặc kỳ thị với văn hoá ngoại lai để dẫn đến khước từ cả những giá trị hiện đại, mà phải tự đổi mới, phải hiện đại hoá văn hoá dân tộc; trong đó, bản thân tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng cũng phải tự điều chỉnh để phù hợp với thời hiện đại.

2. Nhìn chung, quá trình Phật giáo thâm nhập vào Việt Nam gặp nhiều thuận lợi và hầu như không vấp phải phản ứng, trở ngại gì. Có được điều đó là do: một phần, Phật giáo phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc; phần khác, Phật giáo vốn là một tôn giáo có tư tưởng khoan dung, hoà đồng, cởi mở, luôn sẵn sàng đối thoại với các trào lưu tư tưởng khác. Phật giáo không chỉ chấp nhận và hòa nhập với tín ngưỡng dân gian, mà còn kế thừa được những giá trị trong kho tàng văn hóa Khổng giáo và Đạo giáo. Là một tôn giáo có hệ thống giáo lý khá đồ sộ và hoàn chỉnh, khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đem lại cho cộng đồng người Việt một hệ thống các quan niệm về vũ trụ và nhân sinh. Một số tư tưởng Phật giáo phù hợp với tư duy truyền thống dân tộc. Chính vì vậy, Phật giáo được nhân dân ta tiếp nhận một cách tự giác và nhanh chóng trở thành một tôn giáo thu hút được quảng đại dân chúng tín theo, để rồi trở thành hệ tư tưởng chính thống của một số triều đại phong kiến Việt Nam. Khác với một số tôn giáo đã từng dùng bạo lực để "mở mang nước Chúa", sự truyền bá Phật giáo có đặc điểm là:

Thứ nhất, quá trình truyền bá Phật giáo nhìn chung không tạo ra những xung đột về quân sự cũng như về văn hoá.

Thứ hai, với phương châm hoà đồng hoá "tùy duyên phương tiện", Phật giáo đã tạo khả năng chấp nhận những dị biệt của truyền thống văn hoá ở những khu vực mà nó du nhập. Vì vậy, Phật giáo đã làm tăng khả năng thích nghi của mình với các nền văn hoá khác. Hơn nữa, nó còn biết tự làm giàu bằng cách tiếp nhận các giá trị tín ngưỡng, phong tục, tập quán của các dân tộc khác. Dần dần, Phật giáo đã trở thành một nhân tố tham gia sáng tạo văn hoá và đồng hành cùng các dân tộc ngoài Ấn Độ.

Phật giáo là trào lưu tư tưởng chủ trương thực hiện bình đẳng giữa con người với con người, giải thoát con người khỏi nỗi đau sinh tử để đạt đến một ý nghĩa đời sống hoàn thiện. Theo ý nghĩa đó, dù không trực tiếp phủ nhận xã hội thế tục duy trì chế độ đẳng cấp khắc nghiệt, song Phật giáo chứa đựng khuynh hướng phản kháng chống lại xã hội có áp bức và nô dịch. Yếu tố phản kháng của Phật giáo đã phản ánh đúng tâm trạng của người dân đất Việt vốn mang nặng nỗi đau mất nước và thân phận nghèo khổ.

Sau năm 938, Phật giáo phát triển và trở thành hệ tư tưởng phong kiến Việt Nam trong suốt 4 thế kỷ liên (từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV). Từ thế kỷ XV trở về sau, Phật giáo nhường vị trí của mình cho Khổng giáo, nhưng vẫn là một trong ba trụ cột lớn hình thành tư tưởng truyền thống Việt Nam: Nho, Phật, Lão. Cho đến ngày nay, Phật giáo vẫn là một tôn giáo lớn và ảnh hưởng sâu rộng nhất ở nước ta. Mặc dù là tôn giáo có tính xuất thế, chủ trương “bất bạo động”, nhưng khi vào Việt Nam, Phật giáo đã nhanh chóng hoà nhập với dân tộc, gắn bó và chia sẻ với số phận của dân tộc: “Nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do”⁽¹⁾, và “Nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ mở mang”⁽²⁾. Khi còn đóng vai trò hệ tư tưởng chính thống, Phật giáo đã góp phần đưa lại cho giai cấp phong kiến cầm quyền một đường lối trị quốc có nhiều điểm tiến bộ, làm cho “dân cường, nước thịnh”. Đức khoan dung, lòng độ lượng; sự chia sẻ và cảm thông, thái độ sống hướng đến tha nhân, vì tha nhân... của Phật giáo đã khiến nhiều tăng ni, phật tử dấn thân vì dân, vì nước góp phần đưa lại nền thái bình, thịnh trị cho dân tộc. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đông đảo tín đồ, chức sắc Phật giáo đã đứng về phía dân tộc, tham gia tích cực vào sự nghiệp kháng chiến giành lại độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Trong điều kiện xã hội hiện nay, đại bộ phận tăng ni, phật tử tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội ích nước, lợi dân. Lý tưởng giải thoát của Phật giáo nhằm kiến tạo một xã hội hòa bình, an lạc, hạnh phúc, cường thịnh..., không có chiến tranh, khổ đau và thù hận đã chuyển tải niềm khát khao cháy bỏng của con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Tư tưởng lục hòa của Phật giáo và truyền thống khoan dung của dân tộc ta đã tạo nên nhân cách Việt Nam trong sự “đối nhân xử thế” trên tình thương yêu đồng loại. Lý tưởng đó không mâu thuẫn, mà còn phù hợp với chủ trương của Đảng ta hiện nay là lấy đối thoại thay cho đối đầu, sẵn sàng khép lại quá khứ, hướng tới tương lai và Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế.

Có thể nói, Phật giáo có vai trò to lớn trên các phương diện văn hóa, đạo đức, lối sống..., góp phần hoàn thiện đạo đức cá nhân, lành mạnh hoá quan hệ xã hội, hình thành một phong cách, lối sống thuần hậu của con người Việt Nam.

Mọi tôn giáo chân chính đều có những cống hiến nhất định về phương diện văn hoá, đạo đức cho nhân loại. Phật giáo là một trong những tôn giáo chân chính, nên khi du nhập vào Việt Nam, nó đã mang theo những giá trị văn hóa và có nhiều đóng góp cho nền văn hoá, nghệ thuật nước nhà. Những bài văn, bài kệ, những công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, nghệ thuật... của Phật giáo không chỉ thể hiện tri thức, mà còn là kỹ năng nghệ thuật tinh tế của trí tuệ, tâm hồn, tình cảm và cốt cách Việt Nam.

Trong điều kiện xã hội hiện nay, những di sản văn hoá của Phật giáo đang tiếp tục phát huy tác dụng, tạo nên sắc thái dân tộc, góp phần làm phong phú bản sắc văn hoá Việt Nam. Gần đây, một số người đã quyên góp, công đức tiền của để khôi phục, tôn tạo chùa chiền, xây cất tịnh xá, niệm phật đường, đức

chuông, đắp tượng, dựng tháp... Ngoài ý nghĩa tâm linh, nhiều ngôi chùa đã trở thành những danh thắng nổi tiếng để du khách đến chiêm ngưỡng. Những giá trị văn hóa Phật giáo không chỉ tồn tại trong tư tưởng, mà còn đang hiện diện thông qua sự nỗ lực của hàng triệu tín đồ nhằm vươn tới một lẽ sống vì Tổ quốc giàu mạnh, nhân sinh hạnh phúc.

3. Phật giáo là một tôn giáo truyền thống và có sức sống lâu bền trong đời sống tinh thần của người Việt. Dĩ nhiên, tôn giáo, tín ngưỡng mang tính lịch sử; vì vậy, bản thân nó phải có sự chuyển đổi cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Phật giáo đã từng là chỗ dựa tinh thần, chỉ phối cả xã hội dưới các triều đại Lý – Trần; hay được một số triều đại nhà Nguyễn ở Đàng Trong chính thức bảo trợ. Lịch sử cũng đã chứng minh vai trò của Phật giáo trong việc góp phần làm cho nhiều triều đại phong kiến được thịnh trị, đất nước hùng cường và lòng dân đồng thuận. Tuy nhiên, Phật giáo cũng không giữ mãi được vai trò của mình như khi còn đang trong thời kỳ hoàng kim, cực thịnh. Điều này xuất phát từ nhiều lý do, trong đó có một phần bởi tư tưởng thực dụng và hưởng lạc của tầng lớp xuất gia, bởi hoạt động tôn giáo lai tạp, pha trộn với mê tín dị đoan, bởi lòng tin hướng thiện cao siêu đã bị dung tục hóa; phần khác, quan trọng hơn, do mưu toan của bọn thực dân xâm lược và một số phần tử “vọng ngoại” nhằm chia rẽ, gây mất đoàn kết tôn giáo, tấn công, đàn áp và nô dịch văn hóa tinh thần, nhất là văn hóa tâm linh của người Việt.

Lịch sử là như vậy, còn ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, sức công phá của văn hoá phương Tây đối với văn hóa truyền thống diễn ra với quy mô rộng và quyết liệt hơn nhiều. Nếu Phật giáo không biết tự giữ gìn, bồi đắp và đổi mới thì sự suy thoái là xu hướng khó tránh khỏi.

Trong cơ chế thị trường, bản năng ích kỷ trong con người dễ có cơ hội nảy sinh và phát triển, những dục vọng và đam mê đồng tiền, sùng bái vật chất, làm giàu với mọi giá, bất chấp cả tình nghĩa, bỏ qua đạo hạnh, thậm chí sẵn sàng chà đạp lên nhân phẩm của người khác ở một số người đang có cơ trở dậy. Trước hiện trạng ấy, Phật giáo với thuyết nghiệp báo luân hồi và niềm tin tôn giáo cho rằng, “ác giả ác báo, thiện giả thiện báo”, “đời cha ăn mặn đời con khát nước”, “ở hiền gặp lành” với sự thưởng phạt ở kiếp luân hồi..., xét về phương diện đạo đức, đã ít nhiều có tác dụng kiềm chế những hành vi thái quá, cực đoan, phi nhân tính, phản văn hóa ở con người. Phật giáo có một hệ thống các quan niệm đạo đức khá hoàn thiện nhằm xây dựng mẫu người lý tưởng. Nhờ vậy, khi thực hành, tín đồ Phật giáo có thể điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với cái Thiện. Những quan niệm về ngũ giới, thập thiện, thuyết nhân - quả, luân hồi, nghiệp báo..., mặc dù còn mang tính thần bí, siêu hình, song có ý nghĩa răn đe, ngăn ngừa những suy nghĩ, lời nói không đúng hoặc lối sống buông thả... nhằm đem lại cho cá nhân một thái độ sống có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng hơn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy yếu tố hợp lý trong quan niệm về

đạo đức của các tôn giáo, trong đó có Phật giáo: "Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa"⁽³⁾.

Đảng Cộng sản Việt Nam cũng cho rằng, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.

Xu hướng chung của Phật giáo Việt Nam không phải là thoát tục, mà là nhập thế. Giải thoát không phải trốn chạy, quay lưng với thực tại, mà ít nhiều thể hiện khuynh hướng đi tìm ý nghĩa đích thực của cuộc sống, xây dựng một xã hội hài hòa và công bằng. Ngày nay, truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam không còn chung chung, trừu tượng mà đã đi vào cuộc sống đời thường cụ thể và thiết thực hơn. Những năm qua, Phật giáo đã tiến hành quyên góp giúp đỡ người nghèo, bảo trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi những gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng, mở lớp tình thương, khám chữa bệnh nan y, nuôi dưỡng người già không nơi nương tựa... Các hoạt động xã hội với những nghĩa cử từ bi của nhà Phật đã góp phần nâng cao đạo đức truyền thống và làm ổn định xã hội. Hoạt động nhân đạo, từ thiện của Phật giáo đã làm dịu đi phần nào nỗi đau của những người bị mất mát, tổn thất do thiên tai, dịch bệnh gây nên; giảm bớt nỗi buồn của những mảnh đời bất hạnh, những thân phận đơn côi... Chỉ trong 5 năm (1997 - 2002), Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã quyên góp được 296.972.975.000 đồng để làm từ thiện⁽⁴⁾. Điều đó cho thấy, dù trước hết và chủ yếu là đền bù "hư ảo", song Phật giáo không hoàn toàn thoát tục, lánh đời, quay lưng với cuộc sống trần thế. Nó đã, đang và sẽ hòa nhập với nhân sinh, cùng sẻ chia với buồn vui của con người trong thế giới hiện hữu vốn không ít khổ đau.

Ngày nay, nhân loại đang chứng kiến sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Những thành tựu kỳ diệu do nó đem lại đã làm thay đổi bộ mặt hành tinh chúng ta, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho con người. Nhưng, mặt trái của nó cũng đã đem đến những hậu quả nặng nề mà nhân loại đang phải gánh chịu. Nếu không tự giác điều chỉnh hành vi của mình, thì chắc rằng con người sẽ phải trả giá bởi những hành vi thiếu trách nhiệm trước tự nhiên. Chúng ta đang hàng ngày phải chứng kiến tình trạng môi trường bị ô nhiễm, tài nguyên bị cạn kiệt, rừng cây bị tàn phá, tầng ôzôn ngày một mỏng dần và thủng to. Trong *Tiếng chuông cảnh tỉnh cho thế kỷ XXI*, Aunelio Deccei và Daiaku Ikeda đã báo động cho con người về những hiểm họa có thể xảy ra. Trong *Các xu hướng lớn năm 2000*, hai tác giả John Naisbitt và Patricia Aburdene nhận định rằng, phần lớn sự việc diễn ra trong thế kỷ XX cho thấy địa ngục dường như chiếm ưu thế hơn⁽⁵⁾.

Trước tình trạng trên, ở nước ta, rất nhiều người, trong đó có những chức sắc, tín đồ Phật giáo, quan tâm đến vấn đề môi sinh. Coi từng chiếc lá xanh, từng bóng cây mát đều góp phần bảo vệ sinh thái địa cầu, nhà sư Thích Chân Quang kêu gọi và "mong mỗi những người có đạo tâm, có hiểu biết luật nhân quả hãy chung tay góp sức với nhau trồng nên những khu rừng bạt ngàn. Làm được điều

này tức là làm được điều phước thiện lớn lao, vì chúng ta để lại cho thế hệ mai sau tài nguyên gỗ và môi trường sống tốt đẹp"⁽⁶⁾. Có Phật tử còn đề nghị Phật giáo Việt Nam cần đưa môn bảo vệ thiên nhiên và môi trường vào chương trình giáo dục và đào tạo nhằm giúp Phật tử hiểu rõ phương thức và kỹ thuật hành xử tối thiểu trong lĩnh vực này để đóng góp cụ thể vào chương trình hành động bảo vệ và cải thiện môi trường sống của nhà nước. Đó là những ý kiến rất đáng trân trọng trong hoàn cảnh môi trường đang bị suy thoái như hiện nay.

Trong xu hướng khoan dung, lấy đối thoại thay cho đối đầu, hòa bình thay cho chiến tranh, Phật giáo càng có vai trò lớn. Diễn đàn Phật giáo thế giới lần thứ nhất, do Hội Phật giáo, Hội trao đổi Văn hóa và Tôn giáo Trung Quốc đồng tổ chức tại tỉnh Triết Giang, từ ngày 13 đến ngày 16 – 4 – 2006 đã thu hút sự tham gia của 1000 đại biểu đến từ 37 nước trên thế giới; trong đó, chủ yếu là các vị lãnh đạo Phật giáo và tăng ni. Hơn 100 tham luận đã đề cập tập trung vào chủ đề "thế giới hòa hợp bắt đầu từ tâm thức", nhấn mạnh sự đoàn kết, hợp tác giữa các Phật tử và trách nhiệm xã hội của Phật giáo nhằm xây dựng một thế giới hòa bình. Hội nghị đã thông qua Tuyên bố Phổ Đà Sơn với tinh thần khoan dung, xóa bỏ hận thù, luôn hòa hợp; đồng thời, hy vọng rằng tinh thần đó sẽ đến với từng gia đình và từng cộng đồng, mỗi quốc gia và toàn thế giới để cho thế giới bình yên, con người an lạc.

4. Tôn giáo trên thế giới đang có xu hướng thế tục hóa với biểu hiện tham gia ngày càng sâu vào đời sống xã hội. Đạo giúp đời, tôn giáo gắn với dân tộc. Những chủ trương "sống phúc âm giữa lòng dân tộc" của Công giáo và "đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội" của Phật giáo theo hướng tôn giáo "đồng hành cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội" là xu hướng nhập thế rất đáng khuyến khích. Tuy nhiên, những khát vọng trần thế về sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt, giàu sang qua cầu cúng, nhờ cậy ở Trời, Phật đã làm cho triết lý giải thoát của nhà Phật trở nên nghèo nàn, thực dụng. Sinh hoạt Phật giáo theo hướng này sẽ "khuyến khích" thái độ trông chờ, ỷ lại nhiều hơn là kích thích tinh thần tự lực vươn lên cải tạo cuộc sống và hoàn thiện nhân cách của Phật tử.

Phật giáo là một tôn giáo cao siêu và trí tuệ, không ít những nhà khoa học phương Tây đã thấy giá trị và hết lời ca ngợi Phật giáo. A.Anhxtanh cho rằng, nếu có một tôn giáo nào đáp ứng được nhu cầu của khoa học hiện đại thì tôn giáo đó chính là Phật giáo. Phật giáo không chỉ đóng góp cho khoa học, mà còn là di sản văn hóa thế giới. Ở Việt Nam, nhiều nhà chùa trở thành danh thắng nổi tiếng, cuốn hút biết bao du khách trong và ngoài nước đến thưởng thức cảnh quan, chiêm ngưỡng các công trình văn hóa Phật giáo độc đáo. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận thực tế không vui là, hiện nay, ở một số nơi, Phật giáo bị dung tục hóa, tầm thường hóa, thậm chí thương mại hóa. Một số nhà chùa không còn giữ được vẻ thanh tịnh, tôn nghiêm vốn có nơi cửa Phật, mà hoạt động cũng xô bồ, nhốn nháo, khói nhang nghi ngút, cầu cúng râm ran, vàng mã lan tràn, xóc thẻ công khai... Có nhà chùa chú ý hòm công đức hơn là

giáo hóa chúng sinh. Điều cần với những phật tử và du khách là làm sao cho "chùa" khác "chợ", hãy dừng để cho cơ chế thị trường làm vẩn đục bầu không khí sinh hoạt văn hóa tâm linh chốn cửa thiền và trả lại cho nó một cảnh quan tôn nghiêm và tĩnh lặng.

Không thể phủ nhận một thực tế là, bên cạnh rất nhiều vị cao tăng mẫu mực về đức hạnh và uyên thâm về Phật học được các tín đồ và xã hội một lòng kính trọng, tôn vinh, cũng đã xuất hiện những người tu thân trong chốn cửa thiền vì những động cơ thế tục, chưa thoát khỏi cái bả danh lợi. Có tín đồ, chức sắc Phật giáo còn sa ngã bởi cám dỗ trong cuộc sống đời thường vì ái dục, chưa gỡ bỏ được "tham, sân, si" dẫn đến những hành vi không chỉ phạm giới luật, mà cả pháp luật. Vì vậy, để tránh "lượng cao phẩm thấp", tình trạng "đời sống người tu hành thiếu nội lực tâm linh và phẩm chất người tu hành ngày càng yếu kém" thì cần chú ý khâu thu nhận người xuất gia và giáo dục đạo hạnh cho họ, làm sao được như mong muốn của dân chúng vốn yêu quý đạo Phật là "sư phải ra sư, chùa phải ra chùa".

Việc xây sửa, tu bổ chùa chiền, phát triển lễ hội nhằm đáp ứng cho nhu cầu tâm linh của nhân dân là nhu cầu chính đáng cần tôn trọng và chính quyền các địa phương tạo thuận lợi. Nhưng, nếu xây cất một cách tràn lan, thái quá với kiến trúc lai căng, lờn lợt; tổ chức lễ hội triền miên làm hao tổn tiền của, công sức và thời gian của dân thì lại là điều không nên.

Cho dù lịch sử có đổi thay, thế cuộc có chuyển vận, Phật giáo vẫn luôn đồng hành cùng dân tộc suốt gần hai mươi thế kỷ qua. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới đất nước, trước xu hướng toàn cầu hóa, Phật giáo cần biết tự điều chỉnh để thích ứng với xã hội Việt Nam và nhân loại thời hiện đại. Muốn vậy, Phật giáo Việt Nam cũng phải cùng đất nước bước trên lộ trình đổi mới để phù hợp với bối cảnh lịch sử mới(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Triết học*, số 11/2006.

1. Báo *Cứu quốc*, ngày 14-1-1946.
2. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.197.
3. Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.6. tr.225.
4. Xem: Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. *Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2003*.
5. Xem: *Các xu hướng lớn năm 2000*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr. 264.
6. Thích Chân Quang. *Nghịệp và quả*. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr.190,

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG: CÁI ĐÃ CÓ VÀ CÁI CẦN CÓ

ĐỖ QUANG HÙNG*

Đại hội VI (1986) đã mở ra quá trình đổi mới đất nước của dân tộc ta giữa lúc thế giới đang diễn ra những động thái khó lường và hệ thống XHCN đã có những dấu hiệu khủng hoảng sâu sắc và đã đứng trước nguy cơ tan rã. Kể từ đó đến nay đã tròn hai thập kỉ.

Hai thập kỉ qua, trong những thắng lợi to lớn và có ý nghĩa lịch sử đổi mới đất nước, không thể không kể đến những thắng lợi của sự nghiệp đổi mới về tư duy lí luận, đường lối và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

Bài viết này xin được phác họa lại quá trình đó và cũng nhân dịp cả nước đang nỗ lực triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng X, chúng tôi cũng muốn minh chứng thêm cho những thắng lợi trên đồng thời nêu ra một số suy nghĩ về chặng đường sắp tới.

Điểm khởi đầu: hai luận đề có tính đột phá về nhận thức...

Với vấn đề đổi mới nhận thức về tôn giáo ở nước ta, đến nay ai cũng hiểu rằng, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị khoá VI về *"Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới"* là dấu mốc mở đầu cho bước ngoặt phát triển về nhận thức.

Nghị quyết này có hai luận điểm mang "tính đột phá" là: *Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và tôn giáo có những giá trị văn hoá, đạo đức phù hợp với chế độ mới.*

Phải đặt hai luận điểm này trong khung cảnh lúc đó ta mới hiểu rõ ý nghĩa.

* GS.TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Đó là một thời điểm lịch sử đặc biệt. Lúc đó, các nước XHCN Đông Âu đã sụp đổ, nhưng những quan điểm tả khuynh về tôn giáo vẫn còn chế ngự. Đặc điểm chủ yếu của giai đoạn ấy là, phê bình tôn giáo tập trung chủ yếu vào những vấn đề căn bản của thuyết vô thần luận mácxít và các hình thái vô thần duy vật khác. Ở Trung Quốc, đã có những dấu hiệu đổi mới đầu tiên với việc bàn luận về những đặc điểm về tôn giáo ở Trung Quốc và khả năng thích ứng với CNXH của tôn giáo (1982)...

Với nước ta, hai luận điểm trên đã nhanh chóng tạo nên *sự đột phá nhận thức*: Không thể nhìn tôn giáo qua mệnh đề của Mác đã bị cắt xén và phiến diện: "Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân". Phải nhìn nhận tôn giáo như một "thực tại xã hội" và là *nhu cầu* của một bộ phận quần chúng (có văn bản còn nói là một *bộ phận quan trọng*) và nó hoàn toàn có thể đồng hành với CNXH. Riêng luận đề mới mẻ về *văn hoá tôn giáo* đã khơi dậy trực tiếp những suy nghĩ, hành động tích cực của quần chúng, người có tôn giáo cũng như không có tôn giáo. Khi các giá trị văn hoá đạo đức của tôn giáo được đặt trong khuôn khổ của văn hoá dân tộc, một mặt đã thừa nhận sự đa dạng của văn hoá dân tộc, mặt khác tạo ra thêm một con đường đoàn kết dân tộc, tôn giáo. Khai thác tốt các giá trị văn hoá, đạo đức của tôn giáo là cách tốt nhất để cho nhiều tôn giáo thuận lợi hơn trong quá trình "Tìm về dân tộc"...

Kể từ sau Nghị quyết 24 nói trên, Đảng ta còn có nhiều văn kiện khác khẳng định và phát triển tư duy đổi mới về tôn giáo, đặc biệt là Chỉ thị 37-CT/TW ngày 2/7/1998 của Bộ Chính trị về *công tác tôn giáo trong tình hình mới*, một văn kiện quan trọng lần đầu tiên được đăng tải công khai trên báo *Nhân dân* và hàng loạt báo khác.

Và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử Đảng ta, vấn đề tôn giáo được đưa ra bàn bạc, quyết định ở cấp Ban Chấp hành Trung ương, đó là Văn kiện của Hội nghị Trung ương 7 (Khoá IX), còn gọi là Nghị quyết 25 (12/3/2004) với tên gọi *Về công tác tôn giáo*, đến nay vẫn toả rạng cho công tác tôn giáo và cả cho bản thân đời sống tôn giáo. Cần ghi nhận con số sau đây: Từ 1990 đến 2003, đã có 13 văn kiện về các vấn đề tôn giáo gồm 2 *ng nghị quyết*, 2 *chỉ thị*, 9 *thông báo*. Trong đó, Ban Bí thư ban hành 1 *chỉ thị*, 7 *thông báo*; Bộ Chính trị ban hành 1 *ng nghị quyết*, 1 *chỉ thị* và 2 *thông báo*; Ban Chấp hành Trung ương ban hành 1 *ng nghị quyết*...

Điều quan trọng hơn cả là, đến nay, nhận thức về vấn đề tôn giáo của cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có bước tiến khá dài. Một bầu không khí xã hội mới mẻ đã lan toả, ranh giới vô hình mà khắc nghiệt về sự phân biệt "lương, giáo" mà các thế lực đế quốc thực dân, phong kiến trước đây cố tình khoét sâu mâu thuẫn nay đã được gỡ bỏ căn bản, tạo nên những điểm sáng trong quan hệ Đạo - Đời.

... Đến sự đổi mới trong chính sách tôn giáo

Đây là bề nổi của sự vật, và thật đáng chú ý, điều này ngày càng bộc lộ rõ và tạo nên những chuyển biến hết sức sống động trong thực tiễn đời sống các tôn giáo ở nước ta.

Ngoài những quy phạm pháp luật chứa đựng trong các điều luật của các bộ luật (Luật Hình sự, Luật Tổ tụng hình sự, Luật Đất đai...), cho đến những văn bản có tính pháp lí cao nhất như các bản *Hiến pháp*, từ 1991 đến nay, Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt các văn bản riêng về tôn giáo, tín ngưỡng.

Có thể xem *Nghị định số 69/HDBT ngày 21/3/1991* của Hội đồng Bộ trưởng "Quy định về các hoạt động tôn giáo" là văn bản mở đầu. Năm 1993, Chính phủ ra Nghị định liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan có tầm quan trọng bậc nhất về quản lý nhà nước về tôn giáo: *Ban Tôn giáo của Chính phủ*. Sau đó là nhiều văn bản đều có dấu ấn khác: *Nghị định 26* ngày 19/4/1999 của Chính phủ "*Về các hoạt động tôn giáo*", *Quyết định số 125/2003* ngày 18/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ "*Về việc Phê duyệt chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khoá IX) về công tác tôn giáo*" ...

Đặc biệt, tháng 7/2004, dư luận trong nước và quốc tế rất quan tâm đến sự kiện *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và được ban hành cũng như *Nghị định* của Chính phủ vừa ban hành mới đây (3/2005) "*Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*"! Về mặt vĩ mô, phải nói sự đổi mới mạnh mẽ của chính sách tôn giáo cũng được bắt nguồn từ tinh thần của Nghị quyết 24 nói trên. Trong đó, cũng là lần đầu tiên, công tác tôn giáo vốn được coi *chủ yếu là công tác đánh địch lợi dụng*, nay được coi *chủ yếu là công tác vận động quần chúng* (phạm trù công tác dân vận) với luận đề quan trọng: "Thực chất công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng".

Chúng ta đã có những bước tiến dài trong việc *thể chế hoá* các quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng của quần chúng và các hoạt động của các tổ chức tôn giáo. Từ 1991 đến nay, chúng ta luôn thể hiện quyết tâm xây dựng *Nhà nước pháp quyền XHCN* trên lĩnh vực quản lý tôn giáo, bằng việc ban hành hàng loạt *quy định, nghị định, chỉ thị, thông tư*,... và đỉnh cao nhất là *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*.

Có thể nói hàng loạt các văn bản pháp lí ấy đã thể hiện sinh động sự đổi mới về chính sách tôn giáo. Chúng tôi mạn phép khái quát vào một số điểm sau đây:

- **Thứ nhất**, mối quan hệ giữa Nhà nước và các tôn giáo, nói đúng hơn là *các tổ chức tôn giáo* (Giáo hội, Hội thánh, Ban Trị sự, Hội đồng Giáo xứ...) đã được cải thiện căn bản theo hướng pháp quyền. Một mô hình nhà nước thế tục mácxít, về bản chất là nhà nước thế tục phi tôn giáo do Chủ tịch Hồ Chí Minh thiết kế từ *Sắc lệnh 234 (1955)*, nay đã hiện ra rõ rệt. Mô hình này tỏ ra thích hợp với đời sống tôn giáo ở Việt Nam, được đông đảo đồng bào có đạo và quần chúng nói chung hoan nghênh và bước đầu được thế giới nhìn nhận. Trên cả 3 khâu: *theo đạo, hành đạo và quản đạo* đã được thể chế hoá và cơ bản đã phù hợp với thực tiễn.

- **Thứ hai**, về mối quan hệ giữa "hoạt động tôn giáo" và "công tác tôn giáo" cũng được giải quyết tốt hơn. Mối quan hệ này vốn không hề đơn giản vì các "hoạt động tôn giáo" vốn là lợi ích sống còn của các chủ thể tôn giáo, trong khi đó "công tác tôn giáo" lại là vấn đề thuộc phạm trù quản lý nhà nước.

Nhà nước ta hiểu rõ những kinh nghiệm quá khứ, khi mà sự tương tác giữa hai chủ thể "hoạt động tôn giáo" và "công tác tôn giáo" diễn ra không thuận lợi, dẫn đến xung đột, triệt tiêu lẫn nhau:

Ở đây tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các quan điểm của Đảng ta về sự khai thác các điểm tương đồng, đồng thuận xã hội có ý nghĩa lớn. Giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- **Thứ ba**, vận dụng kinh nghiệm của lịch sử dân tộc và quốc tế về luật pháp tôn giáo, để sự thể chế hoá về quyền hạn và nghĩa vụ của toàn dân, trước hết là cộng đồng các tôn giáo ngày càng thích hợp hơn.

Đây cũng là nét mới trong chính sách tôn giáo của Nhà nước ta hiện nay, trực tiếp tạo nên bầu không khí phấn khởi trong các chức sắc và tín đồ các tôn giáo.

Về mặt vi mô, nước ta có 6 tôn giáo chính (Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài và Phật giáo Hoà Hảo) mà việc quản lý mỗi tôn giáo đòi hỏi có những giải pháp riêng. 20 năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có những thành tựu rất đáng kể về mặt này.

Không chỉ đối với Công giáo, Phật giáo, những tôn giáo lớn có vị trí đặc biệt trong hệ thống tôn giáo ở nước ta, những chính sách đúng đắn của Nhà nước ta những năm gần đây với đạo Cao Đài (đã công nhận tư cách pháp nhân cho 10 tổ chức hệ phái): với Phật giáo Hoà Hảo cũng có những quyết sách mạnh dạn về cơ cấu tổ chức Ban Trị sự, với Hồi giáo cũng tương tự. Đặc biệt, với những chính sách mềm dẻo và cởi mở để giải quyết cơ bản "vấn đề Tin Lành", vấn đề tôn giáo nóng bỏng bậc nhất trong những năm gần đây ở nước ta.

Có thể nói, sự đổi mới chính sách tôn giáo những năm gần đây đã đem lại hiệu quả to lớn trong việc góp phần quyết định tạo ra sự ổn định, bức tranh sinh hoạt tôn giáo ngày càng có nhiều điểm sáng. Tất nhiên, trong những năm qua và còn lâu dài, các thế lực thù địch vẫn luôn tìm cách lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Nhưng có thể nói, xu hướng tôn giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc và CNXH là không thể đảo ngược.

Những vấn đề đặt ra trong việc tiếp tục đổi mới nhận thức và chính sách tôn giáo

Thứ nhất, chúng ta đã thừa nhận tôn giáo còn là một thực tại xã hội, thậm chí nó có thể đồng hành với dân tộc và với CNXH. Tư duy lý luận của chúng ta phải tiến thêm một bước quan trọng khác, một luận đề có tính "đột phá" khác

là, để tôn giáo-“thực thể xã hội” ấy có thể thích ứng với CNXH phải tạo cho nó khả năng và quyền hạn “pháp lý dân sự” tham gia tích cực hơn vào một số lĩnh vực xã hội thích hợp, đóng góp vào việc xây dựng phát triển đất nước và thoả mãn nhu cầu của đời sống tôn giáo.

Tiền đề lí luận khách quan là: trong bối cảnh toàn cầu hoá, hiện đại hoá, mọi tôn giáo đều có khuynh hướng trở thành “tôn giáo xã hội”, thích ứng xã hội ngày càng cao.

Văn kiện Đại hội X đã lưu ý vấn đề này khi chỉ ra rằng: “Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật”⁽¹⁾.

Nhu cầu xã hội của các tôn giáo hiện nay ngày càng tăng trong xu thế hội nhập, toàn cầu hoá và nó cũng không tách rời “quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường”.

Thứ hai, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước và các giáo hội.

Trong những năm qua chúng ta có rất nhiều thành tựu về vấn đề này do Đảng ta từ lâu đã biết dựa vào tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm chắc đặc điểm dân tộc, yếu tố dân tộc của cách mạng Việt Nam, tránh được phần lớn những sai lầm thiếu sót của khuynh hướng tả khuynh về vấn đề tôn giáo trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đặc biệt từ 1990 đến nay, lần đầu tiên Đảng ta đã chuyển vấn đề tôn giáo từ phạm trù nội chính, qua phạm trù công tác dân vận, tạo nên một cục diện mới, được đồng bào các tôn giáo (xuất hiện cụm từ “đồng bào có đạo”) đón nhận, tạo nên bầu không khí phấn khởi, thuận lợi hơn cho quan hệ Nhà nước với các tổ chức tôn giáo.

Hiện nay, vấn đề then chốt để tiếp tục đổi mới về tôn giáo là phải đặt mối quan hệ này trong vấn đề nhà nước pháp quyền, bình thường hoá và pháp trị. Càng làm tốt điều này, đời sống tôn giáo càng ổn định vững chắc và xây đắp hơn đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo...

Văn kiện Đại hội X có nói đến “các tôn giáo hợp pháp” và việc được pháp luật bảo hộ khi các tổ chức tôn giáo ấy “hoạt động theo pháp luật”.

Đây là vấn đề rất quan trọng không chỉ ở góc độ xây dựng nhà nước pháp quyền, mà còn đáp ứng đòi hỏi bức xúc: chỉ có làm tốt công tác hoàn thiện luật pháp tôn giáo mới có thể có điều kiện, phương tiện hữu hiệu làm tốt công tác quản lí nhà nước về tôn giáo.

Ở Việt Nam hiện nay, trước khi nói đến một bộ luật về tôn giáo (Các văn bản của Bộ Chính trị khoá IX đã từng nói điều này) thì cấp thiết phải xây dựng, hoàn thiện hơn luật pháp nhân tôn giáo, các chế tài khác liên quan đến đời sống tôn giáo

dù chúng ta đã có *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*... Có như vậy chúng ta mới có thể hoàn thiện mô hình nhà nước thế tục đã lựa chọn từ những năm đầu hoà bình lập lại sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954)...

Thứ ba, việc ổn định đời sống tôn giáo và tạo thêm điều kiện cho các tôn giáo cống hiến khả năng xây dựng, phát triển đất nước là không ngoài quy luật mà tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ ra: luôn luôn duy trì và phát triển *xu hướng tôn giáo đồng hành với dân tộc và CNXH*, đoàn kết dân tộc tôn giáo trước hết bằng mục tiêu chung, điểm tương đồng giữa lí tưởng tốt đẹp vốn có của các tôn giáo với CNXH, khai thác những giá trị tích cực của các tôn giáo trước hết là các giá trị văn hoá và đạo đức, đồng thời luôn cảnh giác với những âm mưu lợi dụng các tôn giáo vào mục đích chính trị phản dân tộc và CNXH...

Vấn đề tôn giáo được đề cập trong Văn kiện Đại hội X phù hợp với thực tiễn đời sống tôn giáo, cả trong những năm sắp đến. Vấn đề chỉ còn ở chỗ: các cơ quan, ban, ngành hữu quan tiếp tục có những chương trình phổ biến, giáo dục sinh động cho toàn Đảng, toàn dân - trước hết là đội ngũ những người làm công tác tôn giáo trực tiếp - thấm nhuần hơn nữa các quan điểm đổi mới này về công tác tôn giáo.

Chúng ta đã từng trải qua những giai đoạn quá dài phương pháp nhận thức về tôn giáo chưa đầy đủ, tả khuynh và nóng vội. Trong các nhận thức chưa đúng đắn ấy, có lẽ ba nhận thức cơ bản sau đây vẫn còn ám ảnh ở một bộ phận cán bộ, quần chúng: *Thứ nhất*, vì tôn giáo là sự “phản ánh ngược” của hiện thực và duy tâm nên nó hoàn toàn đối nghịch với khoa học và chủ nghĩa duy vật. *Thứ hai*, vì tôn giáo luôn được hiểu, đồng nhất với *mê tín* nên nó là hệ ý thức lạc hậu, phải xoá bỏ. *Thứ ba*, vì tôn giáo luôn luôn bị các thế lực chính trị phản động lợi dụng, nên tôn giáo thường *đồng nhất với chính trị*, ở đó không có chỗ cho “văn hoá” và giải quyết vấn đề tôn giáo là đấu tranh tư tưởng chính trị, nhận thức và giải quyết vấn đề địch - ta.

Như đã nói ở trên, về đại thể, dưới ánh sáng đổi mới của Đảng ta trong nhận thức và hành động, chúng ta đã có những bước *đột phá* quan trọng. Tuy vậy, cũng chưa thể coi như “không còn vấn đề gì” trong lĩnh vực vốn rất phức tạp và nhạy cảm này(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5/2006.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 122.